Phụ lục

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI DANH SÁCH XÉT DUYỆT NVQS NĂM 2027

(Kèm theo Quyết định số 7435/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	ĐỊA PHƯƠNG	CÔNG TÁC XÉT DUYỆT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ				
		Tổng	Miễn gọi nhập ngũ	Tạm hoãn gọi nhập ngũ	Chưa xét tuyển và không xét tuyển	Đủ điều kiện sơ tuyển sức khỏe
TP.HỒ CHÍ MINH		**456,956**	**120**	**69,855**	**6,784**	**380,197**
1	Phường Thuận An	2,195		67	26	2,102
2	Phường Thuận Giao	1,630	1	208	16	1,405
3	Phường Bình Hòa	1,652	1	188	10	1,453
4	Phường Lái Thiêu	3,329	1	519	18	2,791
5	Phường An Phú	1,958	2	290	19	1,647
6	Phường Tân Đông Hiệp	2,930		465	42	2,423
7	Phường Đông Hòa	2,794		419	51	2,324
8	Phường Dĩ An	4,755		427	65	4,263
9	Phường Hiệp Bình	6,187		395	91	5,701
10	Phường Tam Bình	3,412		324	43	3,045
11	Phường Thủ Đức	3,851	1	339	58	3,453
12	Phường Linh Xuân	4,099		258	56	3,785
13	Phường Long Bình	2,402		183	22	2,197
14	Phường Tăng Nhơn Phú	4,799	1	328	70	4,400
15	Phường Phước Long	4,329	2	448	36	3,843
16	Phường Long Phước	1,087		139	26	922
17	Phường Long Trường	1,692	1	147	43	1,501
18	Phường An Khánh	1,668		258	57	1,353
19	Phường Bình Trưng	3,625	1	107	21	3,496
20	Phường Cát Lái	1,268		347	15	906
21	Phường Sài Gòn	2,153		663	32	1,458
22	Phường Tân Định	2,717		688	29	2,000
23	Phường Bến Thành	2,980		830	34	2,116
24	Phường Cầu Ông Lãnh	4,687	1	655	74	3,957
25	Phường Bàn Cờ	3,379		637	55	2,687
26	Phường Xuân Hòa	2,251		420	44	1,787
27	Phường Nhiêu Lộc	3,899	3	1,012	61	2,823
28	Phường Xóm Chiếu	2,742	2	748	41	1,951

STT	ĐỊA PHƯƠNG	CÔNG TÁC XÉT DUYỆT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ				
		Tổng	Miễn gọi nhập ngũ	Tạm hoãn gọi nhập ngũ	Chưa xét tuyển và không xét tuyển	Đủ điều kiện sơ tuyển sức khỏe
29	Phường Khánh Hội	3,905		793	70	3,042
30	Phường Vĩnh Hội	2,979	2	473	54	2,450
31	Phường Chợ Quán	2,658	1	582	27	2,048
32	Phường An Đông	2,882	1	820	26	2,035
33	Phường Chợ Lớn	3,849		805	27	3,017
34	Phường Vườn Lài	4,591		691	75	3,825
35	Phường Diên Hồng	3,989		536	40	3,413
36	Phường Hòa Hưng	3,731		711	58	2,962
37	Phường Minh Phụng	3,808	3	744	58	3,003
38	Phường Bình Thới	2,839	1	524	39	2,275
39	Phường Hòa Bình	2,632		528	31	2,073
40	Phường Phú Thọ	2,618	1	566	45	2,006
41	Phường Bình Thạnh	5,021	2	806	142	4,071
42	Phường Gia Định	5,853	1	750	49	5,053
43	Phường Bình Lợi Trung	2,926	2	509	28	2,387
44	Phường Thạnh Mỹ Tây	5,589		1,028	44	4,517
45	Phường Bình Quới	1,264		196	2	1,066
46	Phường Cầu Kiệu	2,935		622	39	2,274
47	Phường Đức Nhuận	3,419	1	531	27	2,860
48	Phường Phú Nhuận	2,839		393	59	2,387
49	Phường Phú An	1,948		534	22	1,392
50	Phường Chánh Hiệp	2,100		313	42	1,745
51	Phường Thủ Dầu Một	3,469	2	295	63	3,109
52	Phường Phú Lợi	3,912	2	1,034	51	2,825
53	Phường Bình Dương	2,115		772	24	1,319
54	Phường Vĩnh Tân	935		274	17	644
55	Phường Bình Cơ	817	1	149	11	656
56	Phường Tân Uyên	1,198	1	304	9	884
57	Phường Tân Hiệp	1,213	1	324	7	881
58	Phường Tân Khánh	2,634		1,165	21	1,448
59	Phường Tây Nam	1,614		410	37	1,167
60	Phường Long Nguyên	1,445		301	17	1,127
61	Phường Bến Cát	2,115		369	24	1,722
62	Phường Chánh Phú Hòa	1,115		167	14	934

STT	ĐỊA PHƯƠNG	CÔNG TÁC XÉT DUYỆT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ				
		Tổng	Miễn gọi nhập ngũ	Tạm hoãn gọi nhập ngũ	Chưa xét tuyển và không xét tuyển	Đủ điều kiện sơ tuyển sức khỏe
63	Phường Thới Hòa	1,293	3	137	17	1,136
64	Phường Hòa Lợi	1,524		203	12	1,309
65	Xã Bắc Tân Uyên	719	1	398	11	309
66	Xã Thường Tân	738	1	321	8	408
67	Xã Trừ Văn Thố	890		168	12	710
68	Xã Bàu Bàng	686		109	6	571
69	Xã Phú Giáo	1,908		622	19	1,267
70	Xã Phước Hòa	1,440	1	311	33	1,095
71	Xã An Long	837		177	12	648
72	Xã Phước Thành	588		175	2	411
73	Xã Minh Thạnh	1,111		361	22	728
74	Xã Long Hòa	903		264	12	627
75	Xã Dầu Tiếng	1,530		309	27	1,194
76	Xã Thanh An	1,007	1	393	42	571
77	Phường Đông Hưng Thuận	4,412	1	144	56	4,211
78	Phường Trung Mỹ Tây	3,855	3	329	63	3,460
79	Phường Tân Thới Hiệp	4,367		65	36	4,266
80	Phường Thới An	3,074		178	44	2,852
81	Phường An Phú Đông	2,568		221	25	2,322
82	Phường Hạnh Thông	4,140	2	839	70	3,229
83	Phường An Hội Tây	4,321	3	555	43	3,720
84	Phường Gò Vấp	3,605	1	428	59	3,117
85	Phường An Hội Đông	4,248	1	1,147	59	3,041
86	Phường Thông Tây Hội	4,584	2	676	56	3,850
87	Phường An Nhơn	2,760	1	586	43	2,130
88	Phường Tân Sơn Hòa	2,987		418	43	2,526
89	Phường Tân Sơn Nhất	2,638	2	437	30	2,169
90	Phường Tân Hòa	3,595		70	46	3,479
91	Phường Bảy Hiền	5,209	3	81	87	5,038
92	Phường Tân Bình	3,078		252	26	2,800
93	Phường Tân Sơn	1,995		335	8	1,652
94	Phường Tây Thạnh	2,754	2	337	50	2,365
95	Phường Tân Sơn Nhì	4,269	1	900	65	3,303
96	Phường Phú Thọ Hòa	6,378	4	622	84	5,668

STT	ĐỊA PHƯƠNG	CÔNG TÁC XÉT DUYỆT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ				
		Tổng	Miễn gọi nhập ngũ	Tạm hoãn gọi nhập ngũ	Chưa xét tuyển và không xét tuyển	Đủ điều kiện sơ tuyển sức khỏe
97	Phường Phú Thạnh	3,935		812	58	3,065
98	Phường Tân Phú	3,633	1	212	82	3,338
99	Xã An Nhơn Tây	2,023		378	53	1,592
100	Xã Nhuận Đức	1,754		183	40	1,531
101	Xã Thái Mỹ	2,402		238	75	2,089
102	Xã Tân An Hội	3,048	1	169	76	2,802
103	Xã Phú Hòa Đông	4,008	1	325	110	3,572
104	Xã Củ Chi	4,221		606	79	3,536
105	Xã Bình Mỹ	2,576		205	56	2,315
106	Xã Hóc Môn	3,466	2	773	69	2,622
107	Xã Bà Điểm	5,202		1,290	89	3,823
108	Xã Xuân Thới Sơn	3,372	1	1,256	63	2,052
109	Xã Đông Thạnh	4,750	1	711	53	3,985
110	Phường Tân Phước	1,215		143	29	1,043
111	Phường Phú Mỹ	3,012	1	448	57	2,506
112	Phường Bình Tiên	3,496	1	540	52	2,903
113	Phường Bình Tây	2,894	1	570	42	2,281
114	Phường Bình Phú	2,947	2	229	36	2,680
115	Phường Phú Lâm	3,671	1	449	58	3,163
116	Phường Chánh Hưng	6,787		556	90	6,141
117	Phường Bình Đông	6,290	2	242	38	6,008
118	Phường Phú Định	5,104		929	94	4,081
119	Xã Bình Hưng	2,025	1	253	14	1,757
120	Xã Hưng Long	2,408		205	12	2,191
121	Xã Bình Chánh	2,307		222	13	2,072
122	Xã Tân Nhựt	2,978	1	202	19	2,756
123	Xã Bình Lợi	1,366		208	17	1,141
124	Xã Vĩnh Lộc	1,719	1	327	19	1,372
125	Xã Tân Vĩnh Lộc	2,538		421	6	2,111
126	Phường Tân Mỹ	1,668		272	3	1,393
127	Phường Tân Hưng	3,014	3	421	18	2,572
128	Phường Tân Thuận	2,363		612	14	1,737

STT	ĐỊA PHƯƠNG	CÔNG TÁC XÉT DUYỆT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ				
		Tổng	Miễn gọi nhập ngũ	Tạm hoãn gọi nhập ngũ	Chưa xét tuyển và không xét tuyển	Đủ điều kiện sơ tuyển sức khỏe
129	Phường Phú Thuận	1,690		544	5	1,141
130	Xã Nhà Bè	3,106	1	338	31	2,736
131	Xã Hiệp Phước	1,812		209	33	1,570
132	Xã Bình Khánh	1,553		216	28	1,309
133	Xã An Thới Đông	1,090	2	214	14	860
134	Xã Thạnh An	224		143	4	77
135	Xã Cần Giờ	1,170		177	28	965
136	Phường An Lạc	4,772	1	433	53	4,285
137	Phường Bình Trị Đông	5,020	1	1,032	52	3,935
138	Phường Tân Tạo	2,274	2	443	27	1,802
139	Phường Bình Tân	4,000		832	57	3,111
140	Phường Bình Hưng Hòa	7,005		605	117	6,283
141	Xã Châu Pha	952	1	189	26	736
142	Phường Tân Thành	1,309		153	45	1,111
143	Phường Tân Hải	1,414	1	502	54	857
144	Phường Long Hương	1,177		198	28	951
145	Phường Bà Rịa	2,215	2	327	43	1,843
146	Phường Tam Long	1,866		262	46	1,558
147	Xã Ngãi Giao	1,765	1	194	55	1,515
148	Xã Bình Giã	1,669		176	27	1,466
149	Xã Châu Đức	1,215		305	26	884
150	Xã Kim Long	1,275		267	21	987
151	Xã Xuân Sơn	1,268	1	251	32	984
152	Xã Nghĩa Thành	1,166		256	34	876
153	Xã Xuyên Mộc	1,162		237	39	886
154	Xã Hòa Hiệp	1,382	1	248	27	1,106
155	Xã Hồ Tràm	1,732	1	42		1,689
156	Xã Bình Châu	1,476		336	49	1,091
157	Xã Hòa Hội	1,428		265	45	1,118
158	Xã Bàu Lâm	853	2	212	19	620
159	Xã Long Điền	1,780		247	31	1,502
160	Xã Long Hải	4,791	3	765	136	3,887
161	Xã Đất Đỏ	1,669		266	61	1,342
162	Xã Phước Hải	1,974		773	31	1,170

STT	ĐỊA PHƯƠNG	CÔNG TÁC XÉT DUYỆT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ				
		Tổng	Miễn gọi nhập ngũ	Tạm hoãn gọi nhập ngũ	Chưa xét tuyển và không xét tuyển	Đủ điều kiện sơ tuyển sức khỏe
163	Phường Phước Thắng	2,058	3	134	45	1,876
164	Xã Long Sơn	892		118	37	737
165	Phường Rạch Dừa	3,126	1	102	36	2,987
166	Phường Tam Thắng	3,967		93	49	3,825
167	Phường Vũng Tàu	3,739		224	73	3,442
168	ĐẶC KHU CÔN ĐẢO	290	3	24	4	259